

NGÂN HÀNG SỐ ỨU VIỆT DÀNH CHO DOANH NGHIỆP

PVCONNECT BIZ



HƯỚNG DẪN TRẢI NGHIỆM TÍNH NĂNG CHUYỂN TIỀN QUỐC TẾ DÀNH CHO KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC TRÊN PVCONNECT BIZ

MỤC LỤC

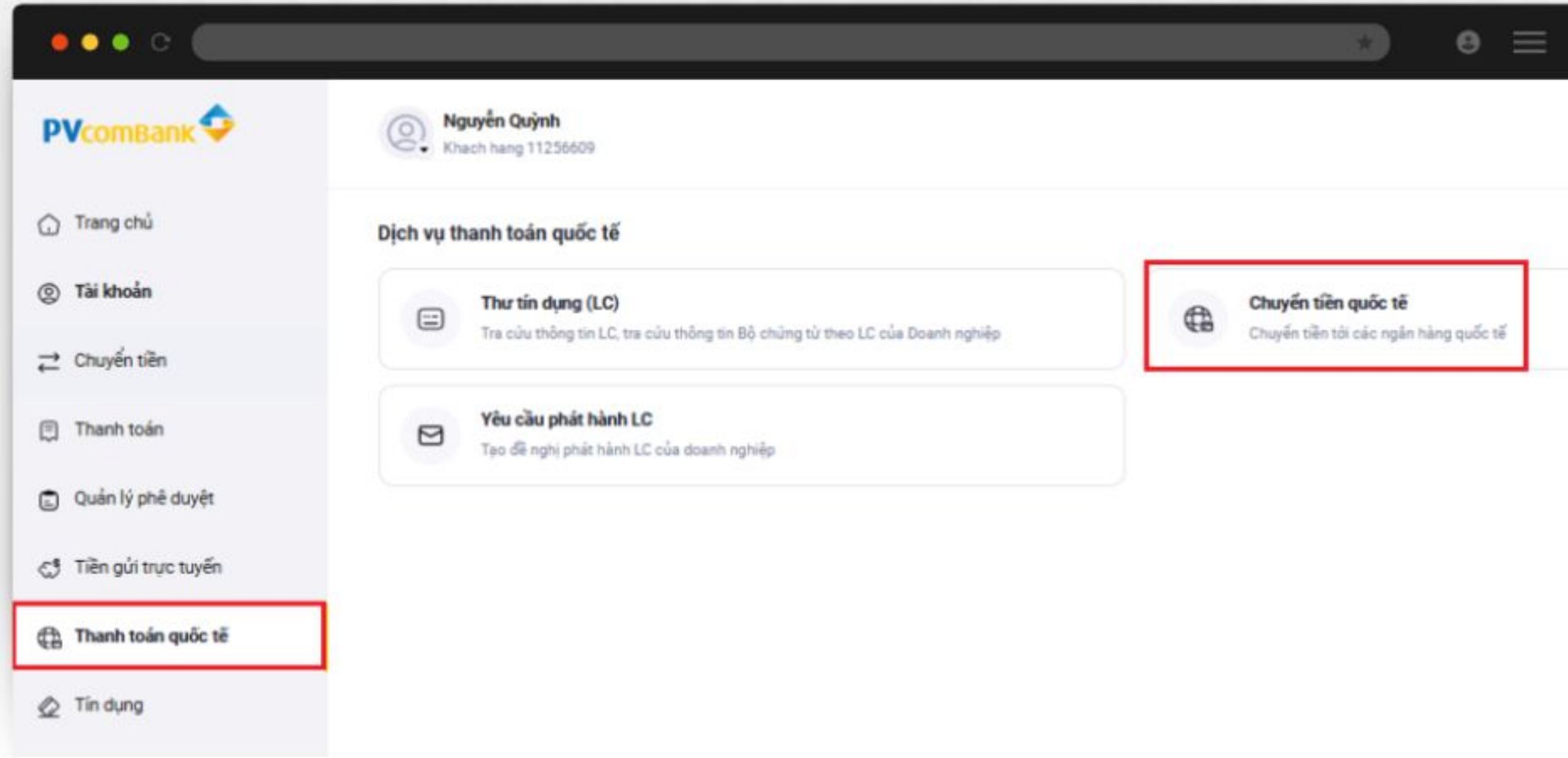
| | | |
|-----------|--|-----------|
| I | TẠO GIAO DỊCH CHUYỂN TIỀN QUỐC TẾ | 2 |
| | 1. Tạo hồ sơ Chuyển tiền quốc tế | 2 |
| | 1.1. Dành cho các Khách hàng chưa có Mã ưu đãi | 2 |
| | 1.2. Dành cho các Khách hàng đã có mã ưu đãi | 7 |
| | 2. Bổ sung hồ sơ và điều chỉnh thông tin | 8 |
| | 3. Tạo lệnh chuyển tiền | 9 |
| | 4. Phê duyệt lệnh Chuyển tiền quốc tế | 11 |
| II | BỔ SUNG CHỨNG TỪ | 13 |

THUẬT NGỮ CHUYÊN MÔN & VIẾT TẮT

| Thuật ngữ/ Từ viết tắt | Giải thích |
|------------------------|--|
| Hệ thống PVcomBank | Là Ngân hàng trực tuyến PVConnect Biz của PVcomBank |
| Maker | Người dùng có vai trò Người tạo lệnh trong doanh nghiệp |
| Checker | Người dùng có vai trò Người duyệt lệnh trong doanh nghiệp |
| IB | Phân hệ Internet Banking của hệ thống |
| Smart OTP | Phương thức xác thực giao dịch lấy mã OTP tự động |
| CTQT | Giao dịch chuyển tiền đi nước ngoài của khách hàng tổ chức |
| mSME | Khách hàng doanh nghiệp siêu nhỏ |
| SME | Khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ |
| KHDNL | Khách hàng doanh nghiệp lớn |

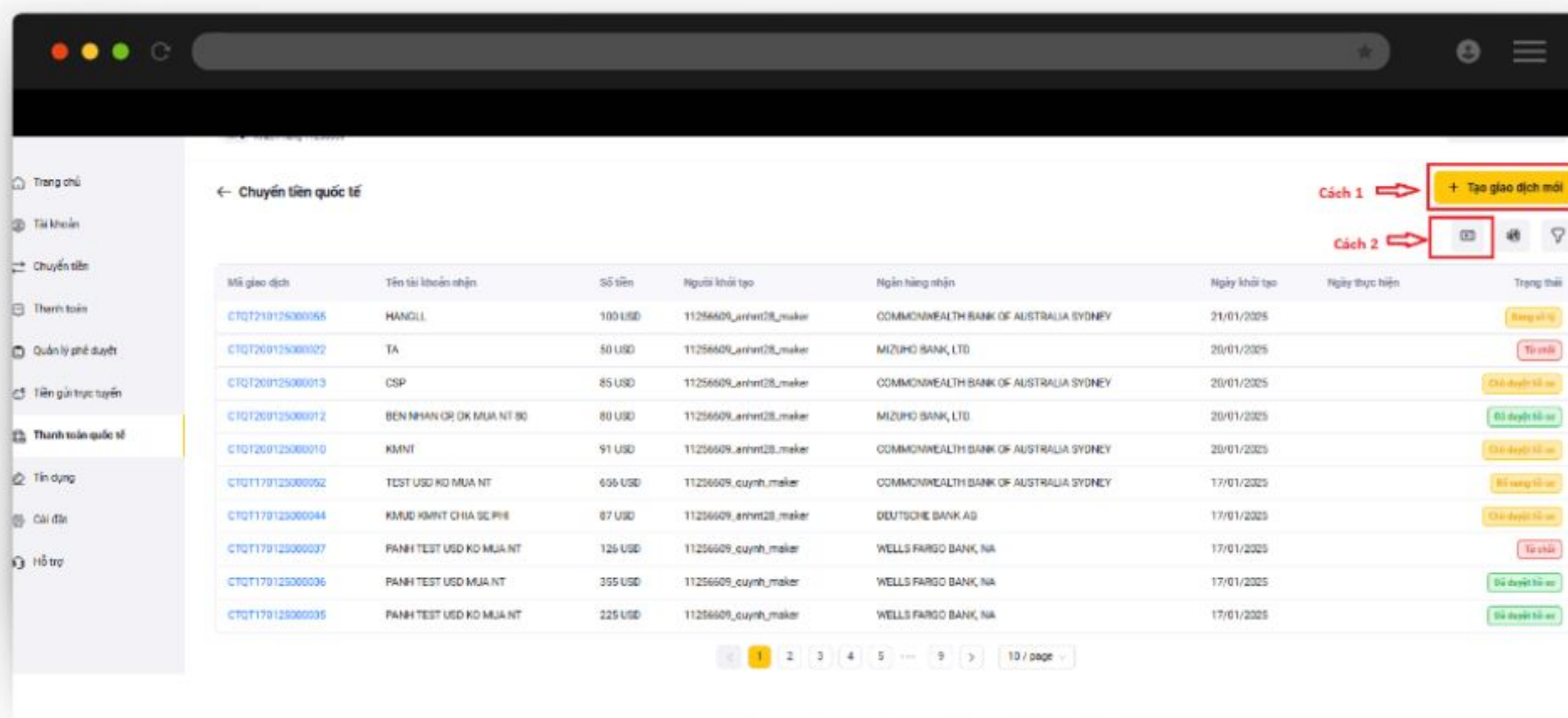
1. Tạo hồ sơ Chuyển tiền quốc tế

Bước 1 Đăng nhập hệ thống PVcomBank, tại Menu, chọn Thanh toán quốc tế, chọn CTQT



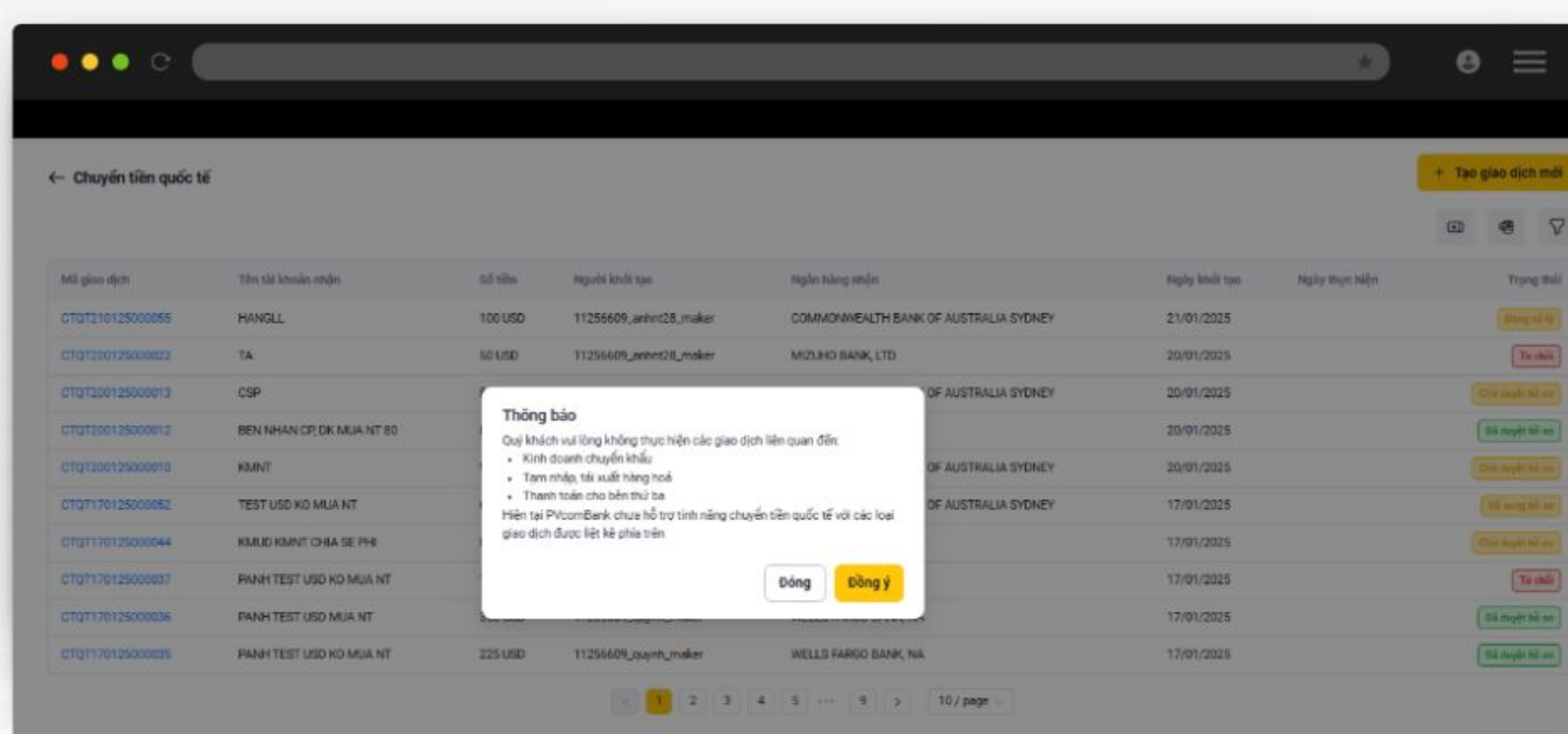
Bước 2 Tạo giao dịch mới theo 2 cách:

1.1. Dành cho các Khách hàng chưa có Mã ưu đãi



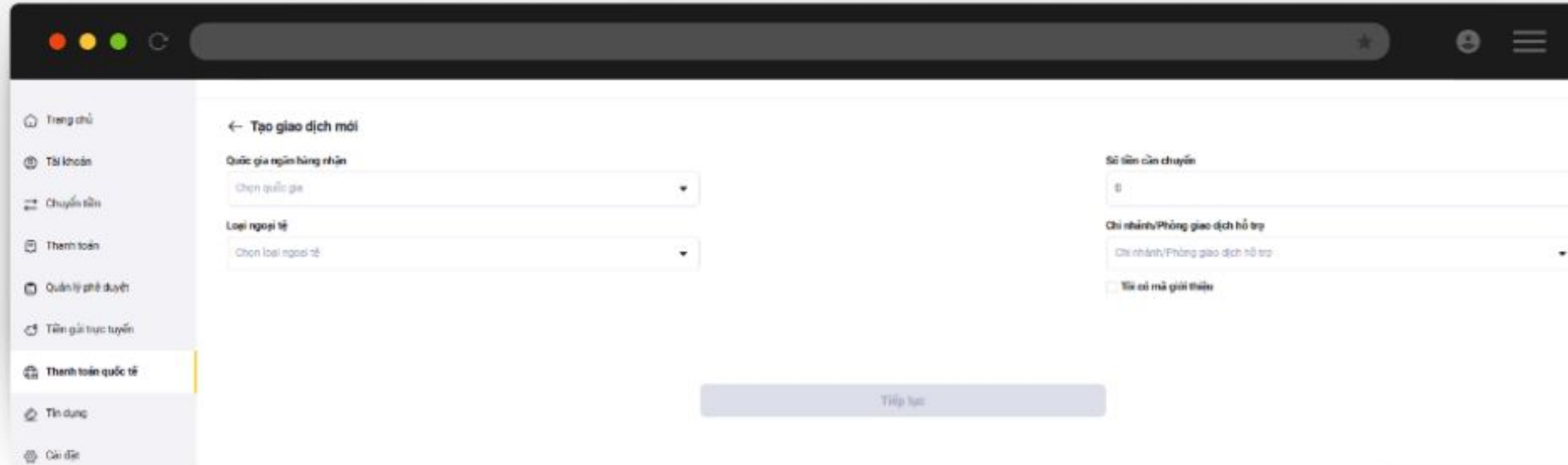
1 Chọn **Tạo giao dịch mới**. Lúc này, hệ thống hiển thị thông báo hiện tại PVcomBank chưa hỗ trợ các giao dịch liên quan đến: **Kinh doanh chuyển khẩu; Tạm nhập, tái xuất hàng hóa; Thanh toán cho bên thứ 3.**

2 Chọn **Đồng ý** (khi giao dịch của Khách hàng thuộc các giao dịch trên /Chọn **Đồng ý** & thực hiện theo **Bước 3**).



3 Thực hiện nhập liệu thông tin giao dịch Chuyển tiền quốc tế:

Tại **Màn hình 1**, nhập các trường thông tin: **Quốc gia của Ngân hàng nhận; Loại ngoại tệ; Số tiền cần chuyển; Chi nhánh/Phòng Giao dịch hỗ trợ; Tôi có mã giới thiệu** (nhập số CIF của cán bộ hỗ trợ). Chọn **Tiếp tục**, hệ thống chuyển sang Màn hình 2.



Lưu ý:

Hạn mức chuyển tiền quốc tế được quy định theo loại tiền ngoại tệ là USD. Các ngoại tệ khác quy đổi tương đương theo tỷ giá niêm yết tại thời điểm giao dịch như sau:

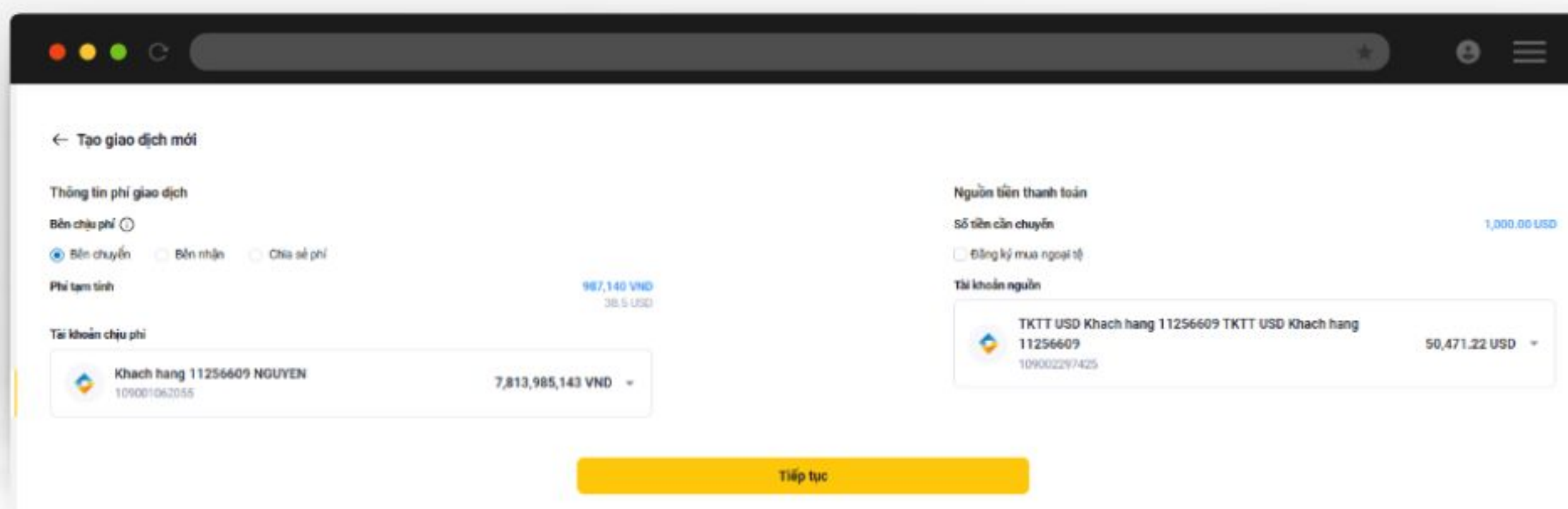
| Phân khúc khách hàng | Hạn mức giao dịch theo lần tối thiểu | Hạn mức giao dịch theo lần tối đa | Hạn mức giao dịch theo ngày |
|----------------------|--------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------|
| mSME | 30 USD | 100.000 USD | 100.000 USD |
| SME | 30 USD | 100.000 USD | 100.000 USD |
| KHDNL | 30 USD | 100.000 USD | 500.000 USD |

Màn hình 2, nhập & chọn các thông tin:

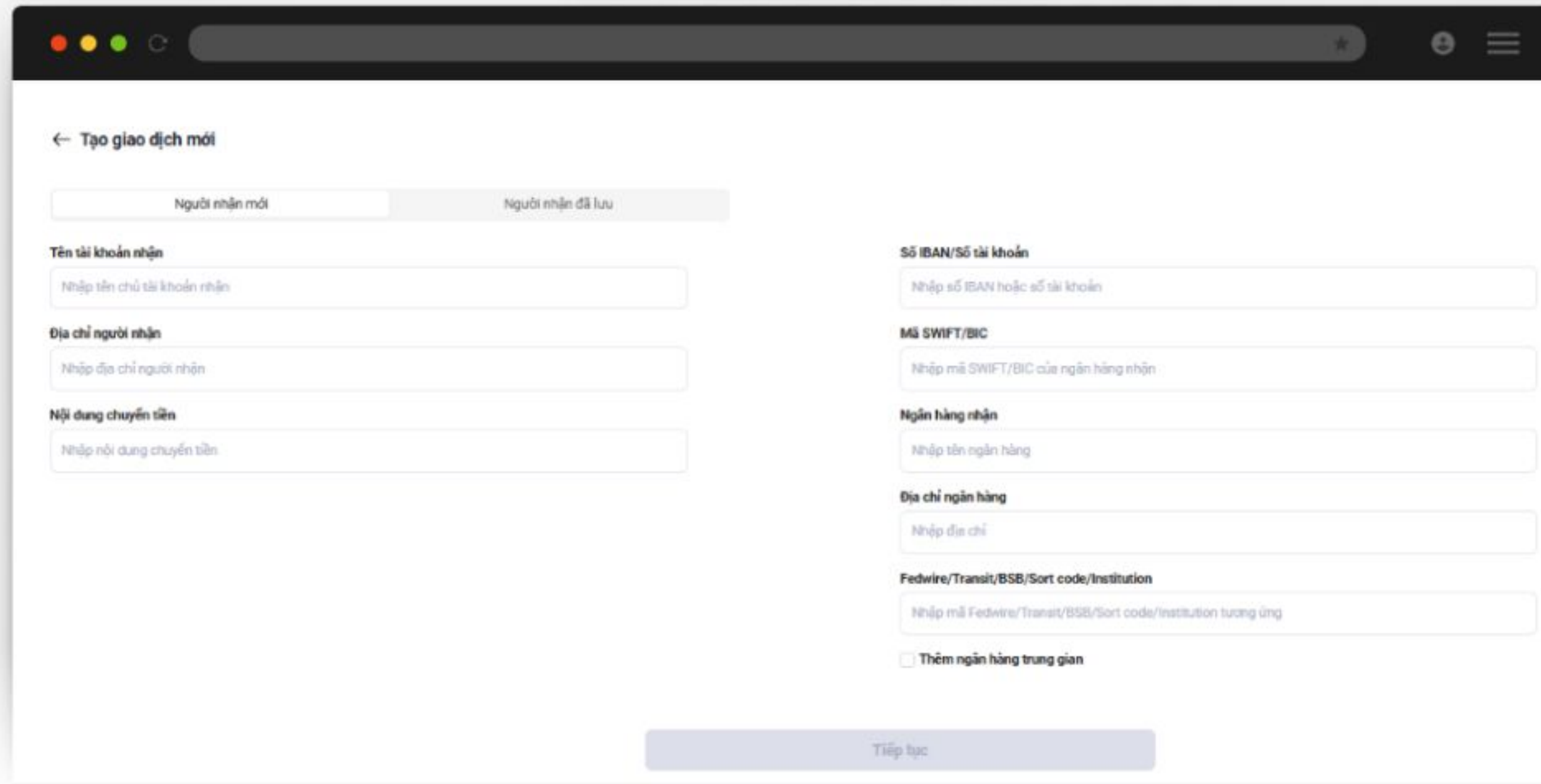
- Thông tin phí giao dịch gồm: Bên chịu phí; Tài khoản chịu phí
- Tài khoản nguồn: TKTT ngoại tệ tương ứng loại tiền chuyển hoặc TKTT VND.
- Đăng ký mua ngoại tệ: Khi Khách hàng có nhu cầu mua ngoại tệ để thực hiện giao dịch CTQT, gồm: Ngoại tệ cần mua; Tỷ giá, Quy đổi sang VND: hệ thống sẽ hiển thị tỷ giá tạm tính và quy đổi sang VND theo tỷ giá khi khách hàng nhập số tiền ngoại tệ cần mua. Chọn **Tiếp tục**, hệ thống chuyển sang Màn hình 3.

Lưu ý:

Tỷ giá tại thời điểm Khách hàng nhập là tỷ giá niêm yết của PVcomBank, chưa phải là tỷ giá ưu đãi cho Khách hàng.



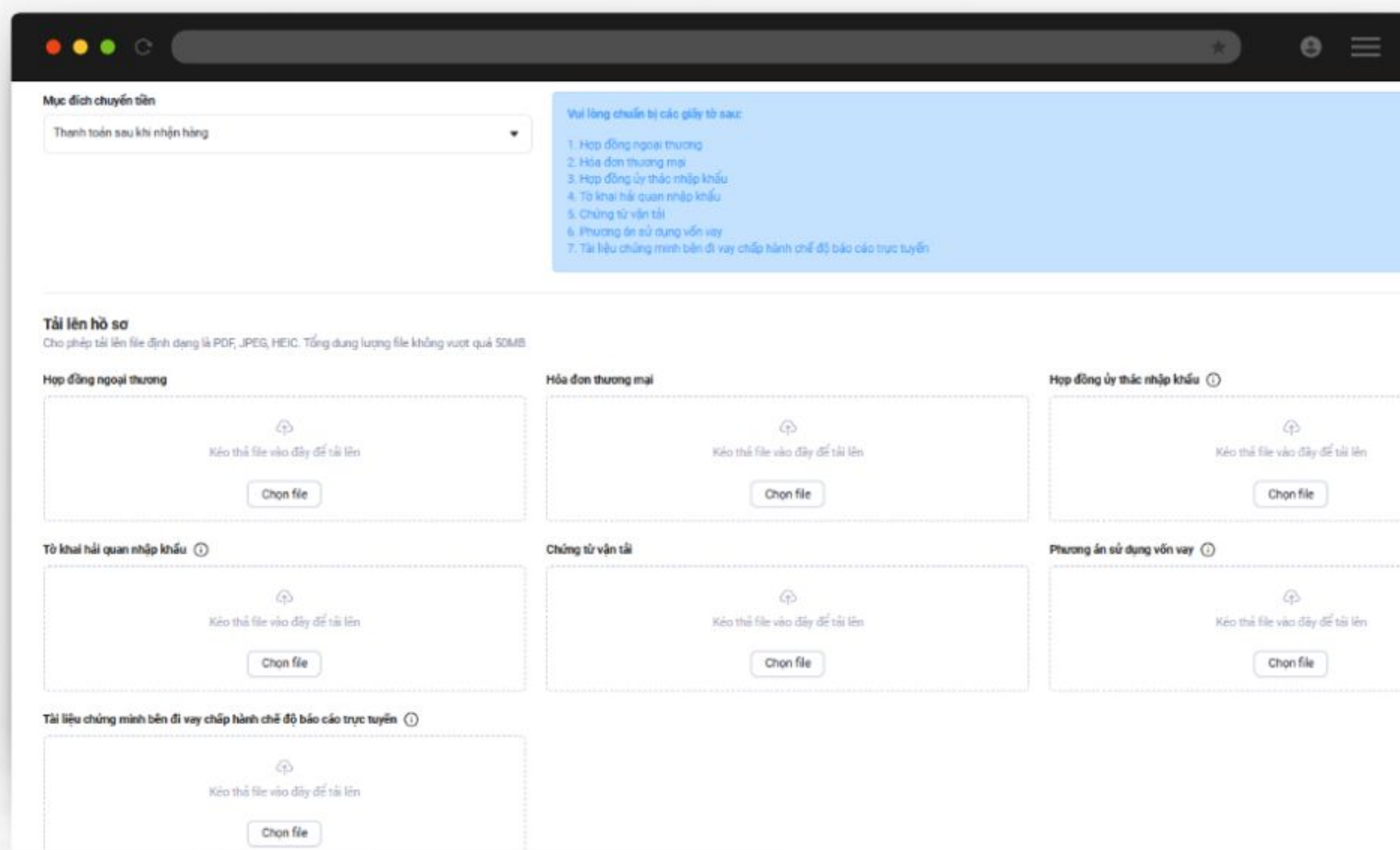
Màn hình 3, nhập thông tin người nhận, gồm: Tên tài khoản nhận; Địa chỉ người nhận; Nội dung chuyển tiền; Số IBAN/Số tài khoản; Thông tin ngân hàng nhận (gồm: Mã Swift/BIC, Tên ngân hàng nhận, Địa chỉ ngân hàng); Thông tin ngân hàng trung gian (nếu có), gồm: Mã Swift, Tên ngân hàng, Địa chỉ ngân hàng; Trường Fedwire/Transit/BSB/Sort code/Institution (nếu có). Chọn **Tiếp tục**, hệ thống chuyển sang Màn hình 4.



Màn hình 4, chọn mục đích chuyển tiền và upload hồ sơ theo hướng dẫn

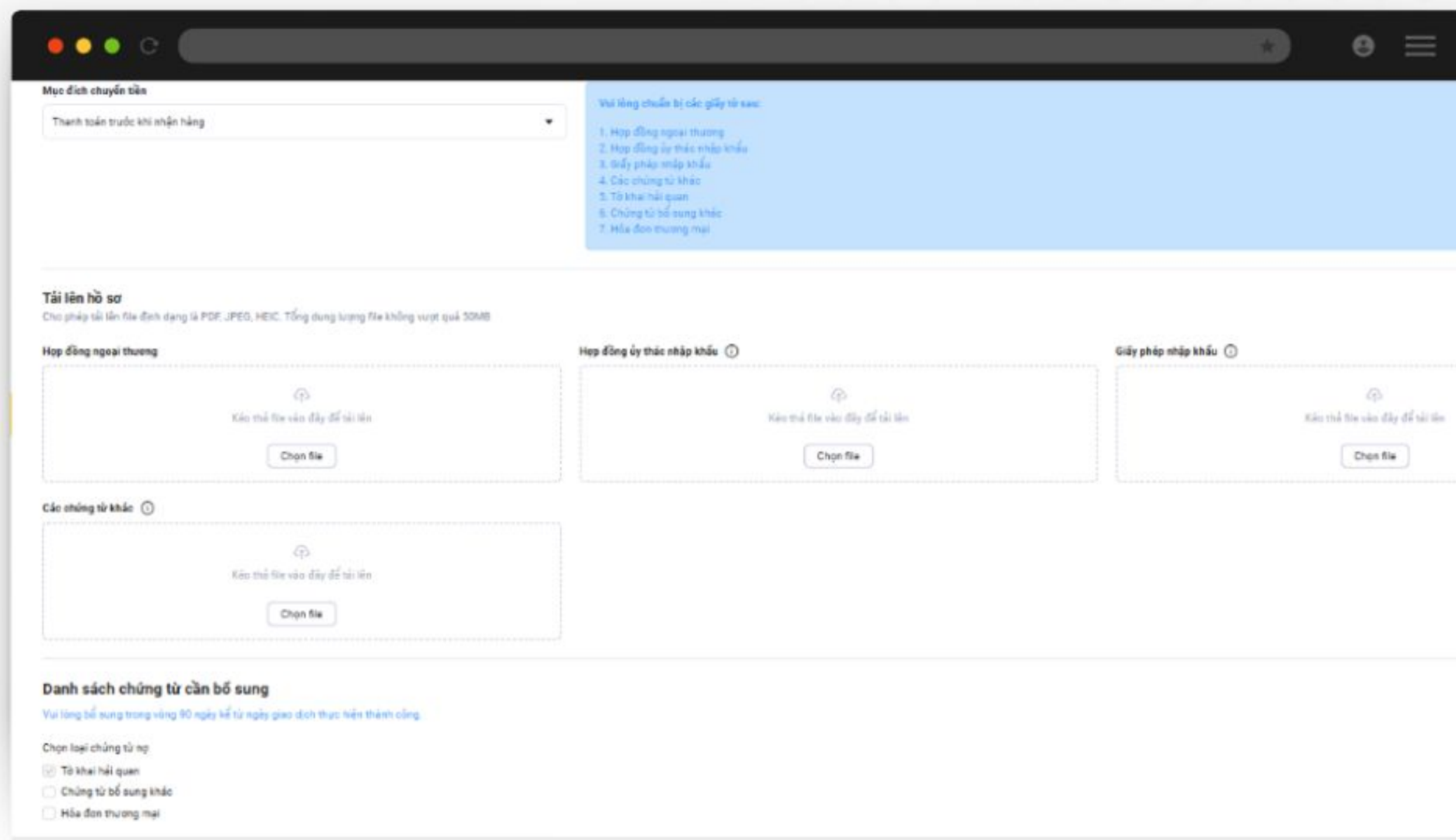
1. Mục đích Thanh toán sau khi nhận hàng Hồ sơ cần upload bao gồm:

- Hợp đồng ngoại thương/Giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương
- Hóa đơn thương mại
- Hợp đồng ủy thác nhập khẩu (khi nhập khẩu ủy thác)
- Tờ khai hải quan nhập khẩu
- Chứng từ vận tải
- Phương án sử dụng vốn vay (nếu hợp đồng ngoại thương ký trước ngày 15/08/2023)
- Tài liệu chứng minh bên vay chấp hành chế độ báo cáo trực tuyến về tình hình vay, trả nợ nước ngoài dưới hình thức nhập khẩu hàng hóa trả chậm ngắn hạn



2. Mục đích Thanh toán trước khi nhận hàng Hồ sơ cần upload bao gồm:

- Hợp đồng ngoại thương/Giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương
 - Hợp đồng ủy thác (khi nhập khẩu ủy thác)
 - Giấy phép nhập khẩu ủy thác đối với các mặt hàng cần phải có giấy phép nhập khẩu hay hạn ngạch
 - Các chứng từ khác theo quy định tại khoản thanh toán ứng trước trong Hợp đồng
- Khách hàng tích chọn các chứng từ nợ theo quy định bao gồm:
- Tờ khai hải quan
 - Hóa đơn thương mại (có thể)
 - Chứng từ khác



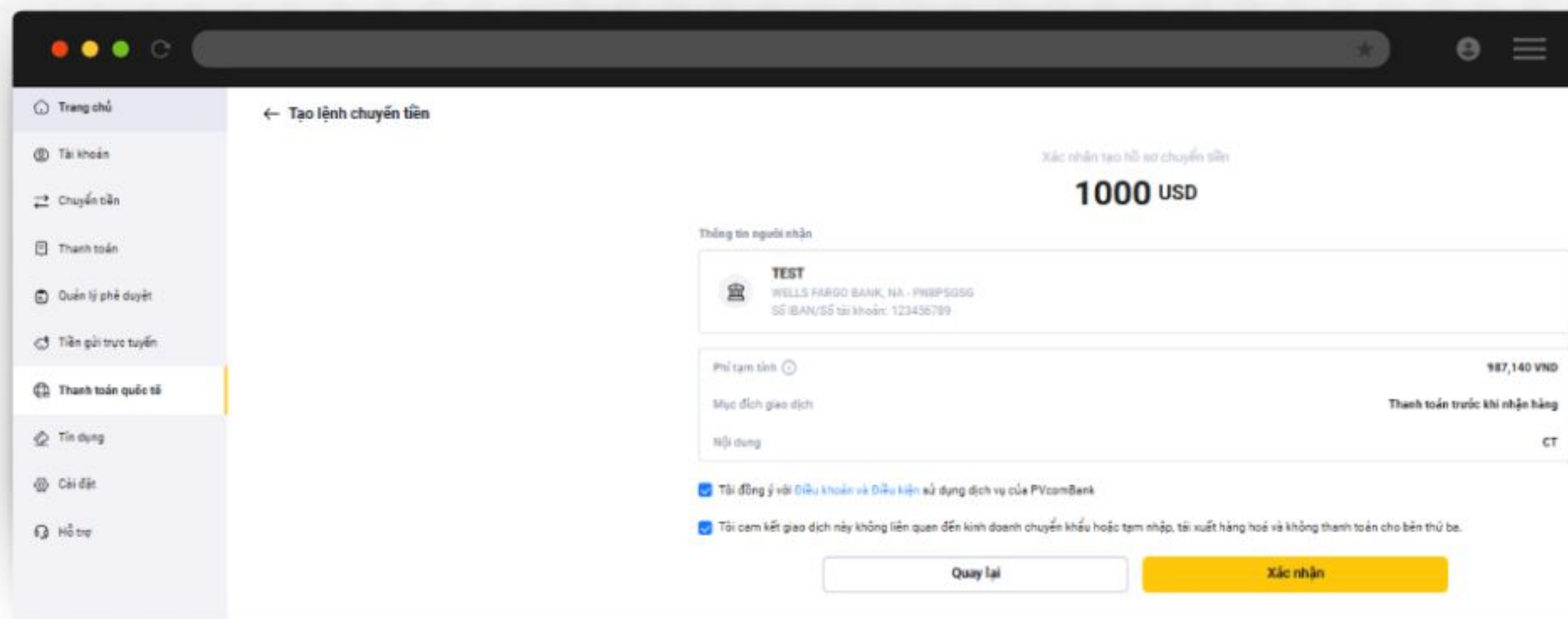
Sau đó, chọn **Tiếp tục**, hệ thống chuyển sang Màn hình 5.

Lưu ý:

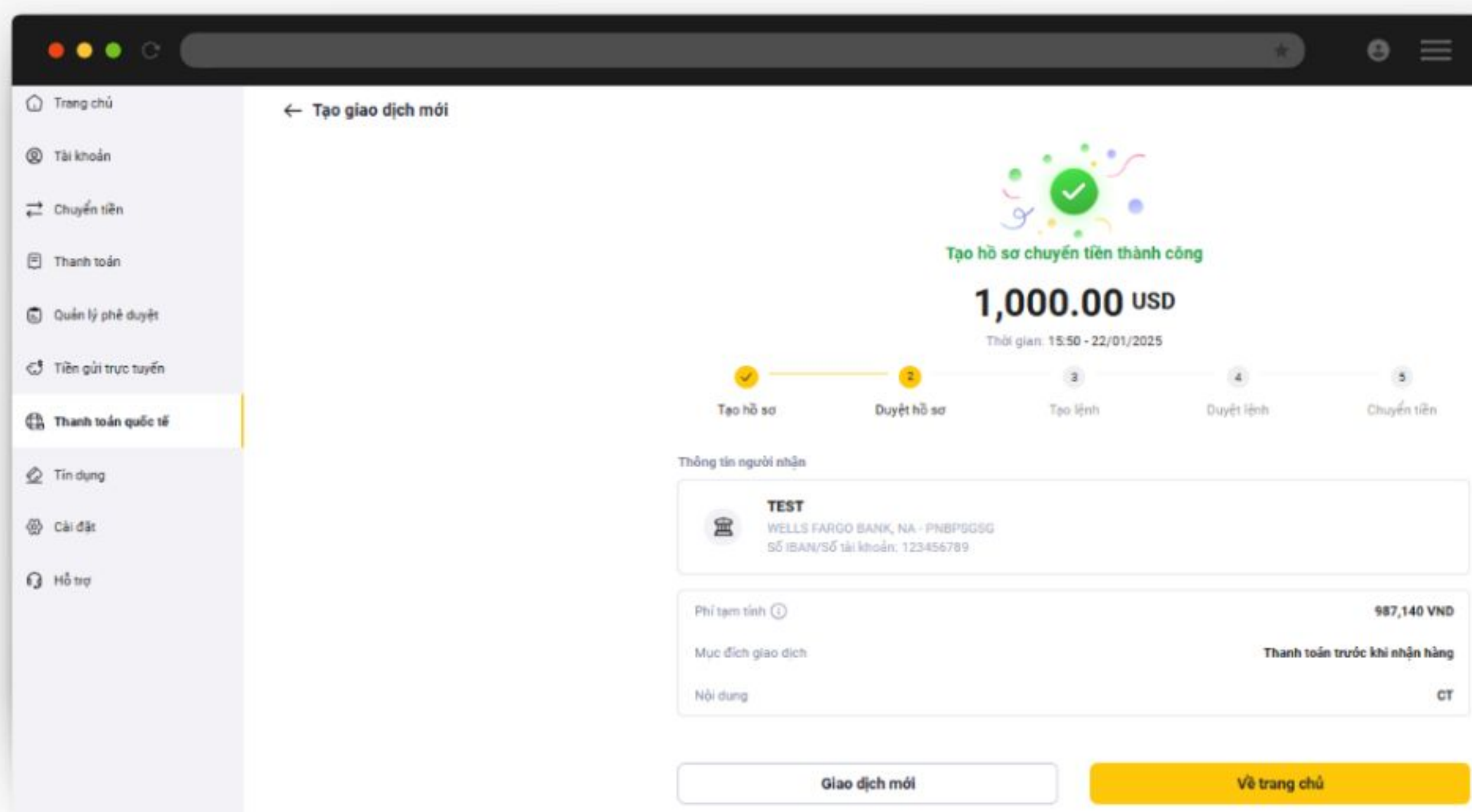
Đăng tải file mềm hồ sơ (là bản chụp hoặc scan màu từ bản gốc/bản sao chứng thực và hồ sơ không thực hiện ký số) lên hệ thống PVcomBank.

Màn hình 5, chọn các cam kết:

- Tôi cam kết giao dịch này không liên quan đến kinh doanh chuyển khẩu hoặc tạm nhập, tái xuất hàng hoá và không thanh toán cho bên thứ ba.
- Điều kiện & Điều khoản sử dụng dịch vụ CTQT KHTC

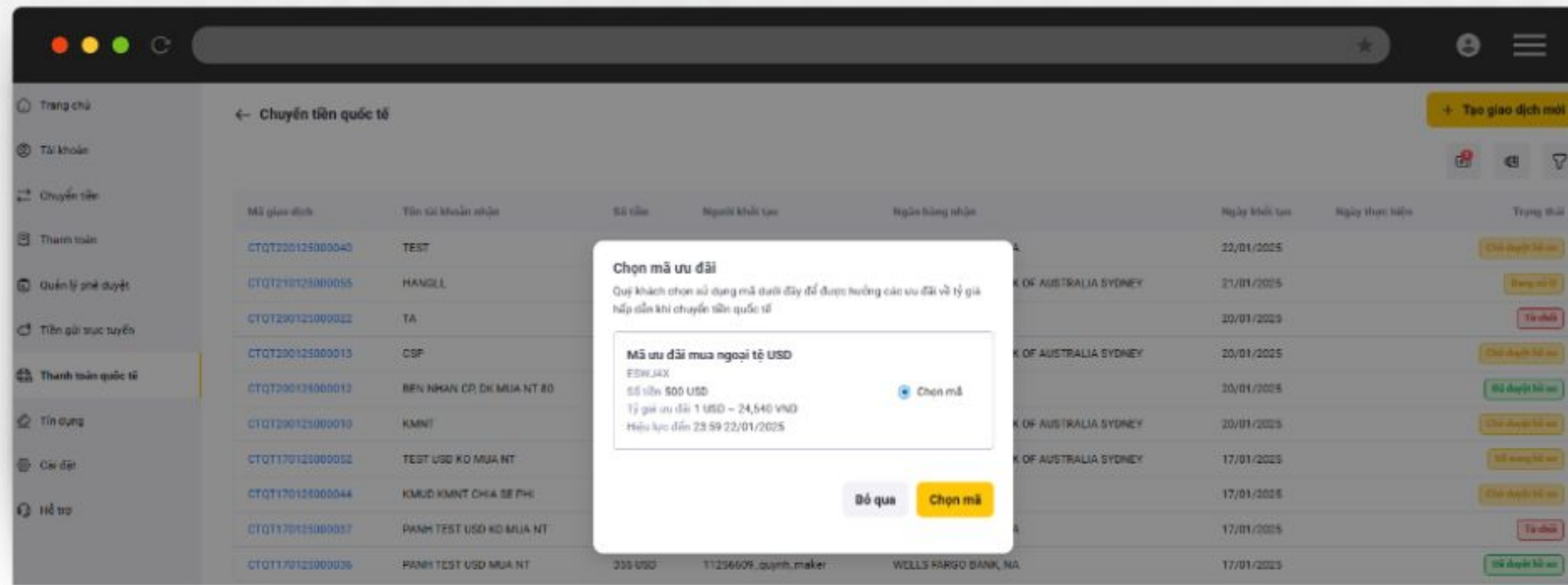


Sau khi nhập thông tin, chọn **Tiếp tục**, hệ thống chuyển sang màn hình **Tạo hồ sơ thành công**, khách hàng chọn **Về trang chủ/Giao dịch mới** để hoàn tất giao dịch.



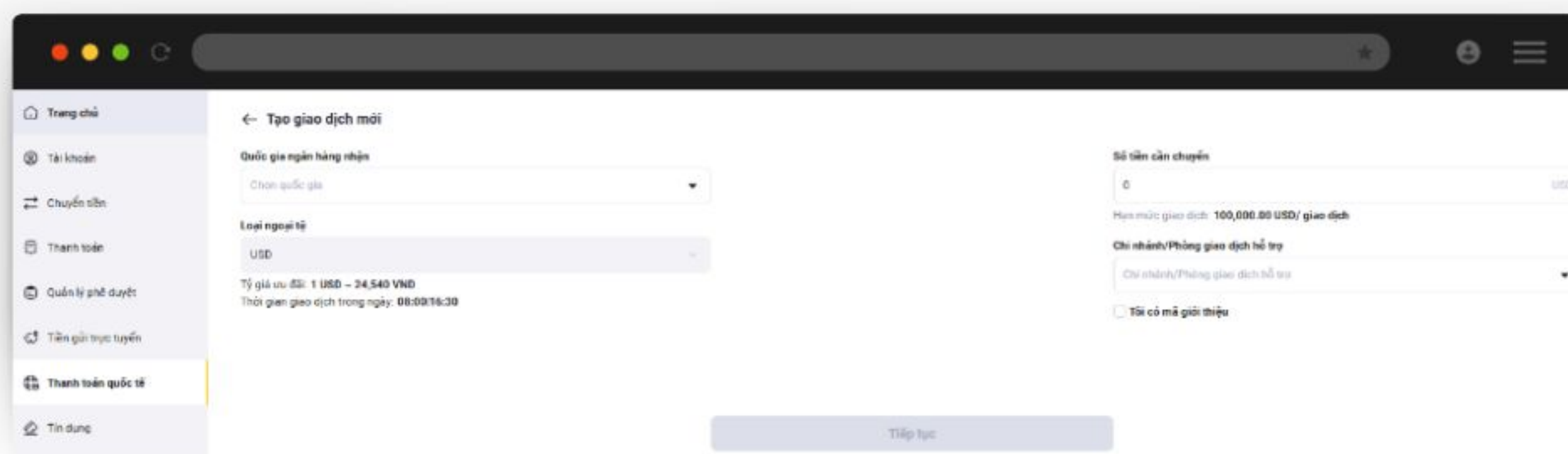
1.2. Dành cho các Khách hàng đã có mã ưu đãi

1 Khách hàng tích mã ưu đãi và kích Chọn mã



2 Thực hiện nhập liệu thông tin giao dịch Chuyển tiền quốc tế:

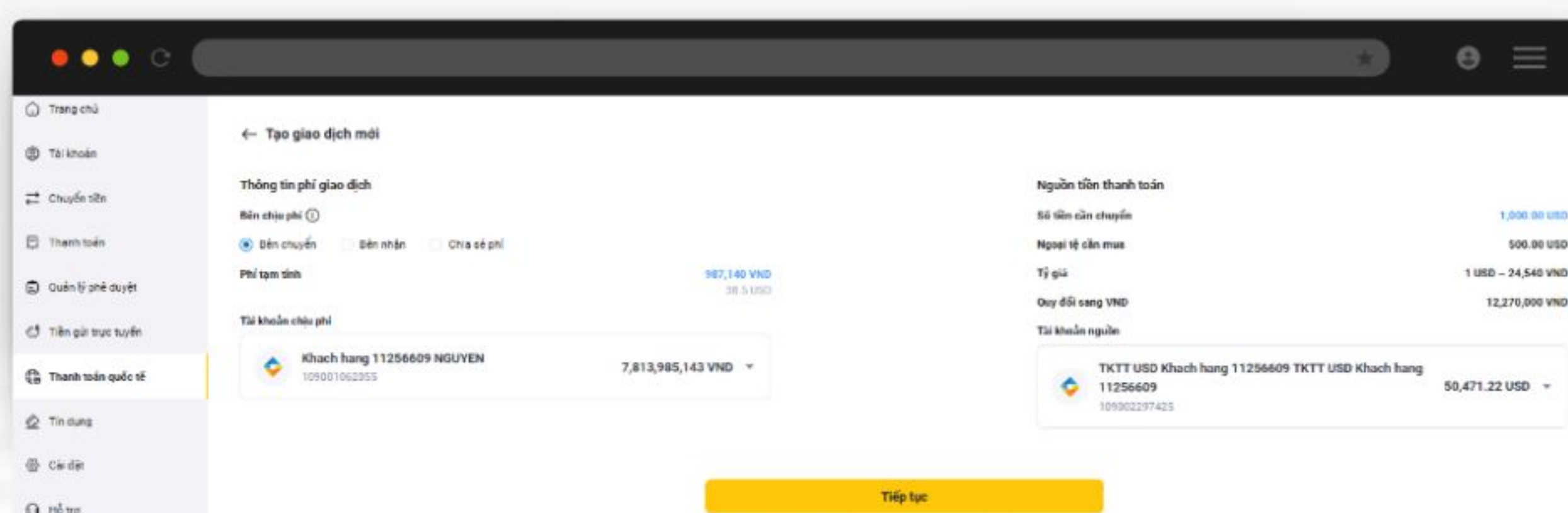
Tại **Màn hình 1**, nhập các trường thông tin: **Quốc gia của Ngân hàng nhận**; **Loại ngoại tệ** (hệ thống hiển thị mặc định loại ngoại tệ theo mã ưu đãi và không cho phép sửa); **Số tiền cần chuyển**; **Chi nhánh / Phòng Giao dịch hỗ trợ**; **Tôi có mã giới thiệu** (nhập số CIF của cán bộ hỗ trợ). Chọn **Tiếp tục**, hệ thống chuyển sang Màn hình 2.



Màn hình 2, nhập & chọn các thông tin:

- Thông tin phí giao dịch gồm: Bên chịu phí; Tài khoản chịu phí
- Tài khoản nguồn: TKTT ngoại tệ tương ứng loại tiền chuyển hoặc TKTT VND.

Đăng ký mua ngoại tệ: Hiển thị mặc định thông tin mua ngoại tệ theo mã ưu đãi và không cho phép sửa: Ngoại tệ cần mua; Tỷ giá ưu đãi, Quy đổi sang VND. Chọn **Tiếp tục**, hệ thống chuyển sang Màn hình 3 tại mục 1.1, Điều 1



2. Bổ sung hồ sơ và điều chỉnh thông tin

Hệ thống sẽ phản hồi cho khách hàng trạng thái **Bổ sung hồ sơ** khi Maker chưa hoàn tất các hồ sơ còn thiếu/thông tin giao dịch chưa chính xác.

Bước 1 Đăng nhập hệ thống, tại Menu, chọn **Chuyển tiền quốc tế**, chọn **Bổ sung hồ sơ**.

| Mã giao dịch | Tên tài khoản nhận | Số tiền | Người khởi tạo | Ngân hàng nhận | Ngày khởi tạo | Ngày thực hiện | Trạng thái |
|------------------|--------------------------|----------|-----------------------|---------------------------------------|---------------|----------------|----------------------|
| CTQT226/23000040 | TEST | 1000 USD | 11256669_quyinh_maker | WELLS FARGO BANK, NA | 22/01/2025 | | Chờ duyệt hồ sơ |
| CTQT210/23000000 | HANGLL | 100 USD | 11256669_ammr02_maker | COMMONWEALTH BANK OF AUSTRALIA SYDNEY | 21/01/2025 | | Đang chờ |
| CTQT206/23000022 | TA | 90 USD | 11256669_ammr02_maker | MIZUHO BANK, LTD. | 20/01/2025 | | Từ chối |
| CTQT206/23000013 | CSP | 95 USD | 11256669_ammr02_maker | COMMONWEALTH BANK OF AUSTRALIA SYDNEY | 20/01/2025 | | Chờ duyệt hồ sơ |
| CTQT206/23000012 | BEN NHAN CO DK MUA NT 80 | 80 USD | 11256669_ammr02_maker | MIZUHO BANK, LTD. | 20/01/2025 | | Chờ duyệt hồ sơ |
| CTQT206/23000010 | KMNT | 91 USD | 11256669_ammr02_maker | COMMONWEALTH BANK OF AUSTRALIA SYDNEY | 20/01/2025 | | Chờ duyệt hồ sơ |
| CTQT170/23000002 | TEST USD KO MUA NT | 656 USD | 11256669_quyinh_maker | COMMONWEALTH BANK OF AUSTRALIA SYDNEY | 17/01/2025 | | Bổ sung hồ sơ |
| CTQT170/23000044 | KMUD KMNT CHIA SE PHI | 87 USD | 11256669_ammr02_maker | DEUTSCHE BANK AG | 17/01/2025 | | Chờ duyệt hồ sơ |
| CTQT170/23000027 | PHANH TEST USD KO MUA NT | 126 USD | 11256669_quyinh_maker | WELLS FARGO BANK, NA | 17/01/2025 | | Từ chối |
| CTQT170/23000036 | PHANH TEST USD MUA NT | 350 USD | 11256669_quyinh_maker | WELLS FARGO BANK, NA | 17/01/2025 | | Chờ duyệt hồ sơ |

Bước 2 Chọn biểu tượng **Chỉnh sửa** để chỉnh sửa thông tin giao dịch/ chọn **Upload** để bổ sung hồ sơ, chọn **Tiếp tục**. Hệ thống chuyển sang màn hình xác nhận, chọn **Xác nhận** để hoàn tất bổ sung hồ sơ.

HỒ SƠ CTQT

Số tiền cần chuyển: 656.00 USD | Tỷ giá: 1 USD = 25,640 VND

Tên tài khoản nhận: TEST USD KO MUA NT | Số IBAN/Số tài khoản: 123456779

Quốc gia: Singapore | Ngân hàng nhận: COMMONWEALTH BANK OF AUSTRALIA SYDNEY

Mục đích giao dịch: Thanh toán trước khi nhận hàng | Nội dung chuyển tiền: TYYY

Quy đổi sang VND: 16,819,840 VND

Phí giao dịch (Đã bao gồm VAT): 987,140 VND

Tải lên hồ sơ

Chuẩn hóa tài liệu định dạng là PDF, JPEG, HEIC. Tổng dung lượng tài liệu không vượt quá 50MB

Hợp đồng ngoại thương:

Hợp đồng ủy thác nhập khẩu:

Gửi phiếu nhập khẩu:

Các chứng từ khác:

Xác nhận bổ sung hồ sơ chuyển tiền

656.00 USD

Thông tin người nhận

TEST USD KO MUA NT
COMMONWEALTH BANK OF AUSTRALIA SYDNEY - CTBANUS
Số IBAN/Số tài khoản: 123456779

Phí giao dịch: 987,140 VND

Mục đích giao dịch: Thanh toán trước khi nhận hàng

Nội dung: TYYY

3. Tạo lệnh chuyển tiền

Bước 1

Tại Menu, chọn **Chuyển tiền quốc tế**, chọn hồ sơ có trạng thái **Đã duyệt hồ sơ**.

| Mã giao dịch | Tên tài khoản nhận | Số tiền | Người khởi tạo | Ngân hàng nhận | Ngày khởi tạo | Ngày thực hiện | Trạng thái |
|-----------------|---------------------------|---------|----------------------|---------------------------------------|---------------|----------------|---------------------------|
| CTQT23012800043 | TEST | 100 USD | 11256609_quyen_maker | WELLS FARGO BANK, NA | 22/01/2025 | | Đã duyệt hồ sơ |
| CTQT23012800050 | HANGLI | 100 USD | 11256609_quyen_maker | COMMONWEALTH BANK OF AUSTRALIA SYDNEY | 21/01/2025 | | Chờ duyệt hồ sơ |
| CTQT23012800052 | TA | 50 USD | 11256609_quyen_maker | MOJIBO BANK, LTD | 20/01/2025 | | Số nhỏ |
| CTQT23012800013 | CSP | 85 USD | 11256609_quyen_maker | COMMONWEALTH BANK OF AUSTRALIA SYDNEY | 20/01/2025 | | Chờ duyệt hồ sơ |
| CTQT23012800012 | BEN NHAN CO, DK MUA NT 80 | 80 USD | 11256609_quyen_maker | MOJIBO BANK, LTD | 20/01/2025 | | Đã duyệt hồ sơ |
| CTQT23012800010 | KMYT | 91 USD | 11256609_quyen_maker | COMMONWEALTH BANK OF AUSTRALIA SYDNEY | 20/01/2025 | | Chờ duyệt hồ sơ |
| CTQT13012800082 | TEST USD KO MUA NT | 456 USD | 11256609_quyen_maker | COMMONWEALTH BANK OF AUSTRALIA SYDNEY | 17/01/2025 | | Số nhỏ và chờ duyệt hồ sơ |
| CTQT13012800044 | KHAI KHAI CT BA SE PHU | 07 USD | 11256609_quyen_maker | DOU SCHE BANK AG | 17/01/2025 | | Chờ duyệt hồ sơ |
| CTQT13012800037 | PHAN TEST USD KO MUA NT | 126 USD | 11256609_quyen_maker | WELLS FARGO BANK, NA | 17/01/2025 | | Số nhỏ |
| CTQT13012800036 | PHAN TEST USD MUA NT | 350 USD | 11256609_quyen_maker | WELLS FARGO BANK, NA | 17/01/2025 | | Đã duyệt hồ sơ |

Hệ thống hiển thị **Chi tiết hồ sơ** giao dịch CTQT, chọn **Tạo lệnh chuyển tiền**.

| HỒ SƠ 795 Đã duyệt hồ sơ | |
|---------------------------------------|----------------------|
| Số tiền cần chuyển | Tên tài khoản nhận |
| 1,000.00 USD | TEST |
| Số IBAN/Số tài khoản | Quốc gia |
| 123456789 | Singapore |
| Mã SWIFT/BIC | Ngân hàng nhận |
| PNBPSGSG | WELLS FARGO BANK, NA |
| Mục đích chuyển tiền | Nội dung chuyển tiền |
| Thanh toán trước khi nhận hàng | CT |
| Bên chịu phí | Tài khoản chủ phí |
| Bên chuyển | 109001062055 |
| Tài khoản nguồn | Ngày khởi tạo |
| 109002297425 | 22/01/2025 |
| Quy đổi sang VND | 25,640,000 VND |
| Phí giao dịch | 987,140 VND |

Tạo lệnh chuyển tiền

Bước 2

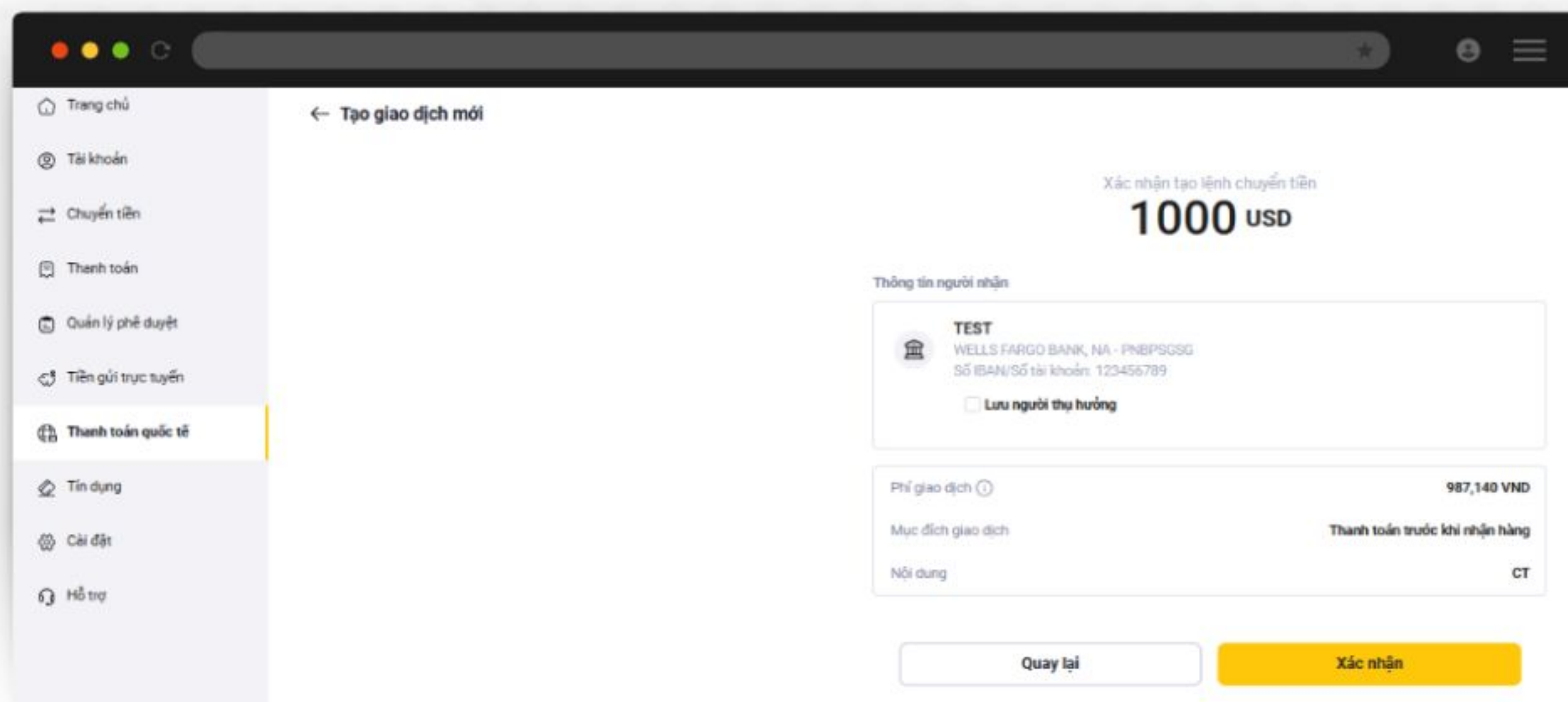
Tại màn hình **Tạo lệnh CTQT**, cần nhập các trường thông tin:

- Trường hợp mua ngoại tệ và chưa có mã ưu đãi: Chọn mã ưu đãi, Chọn Tài khoản trích nợ mua ngoại tệ.
- Thông tin phí: hiển thị phí chính xác theo chương trình ưu đãi của PVcomBank theo từng thời kỳ.

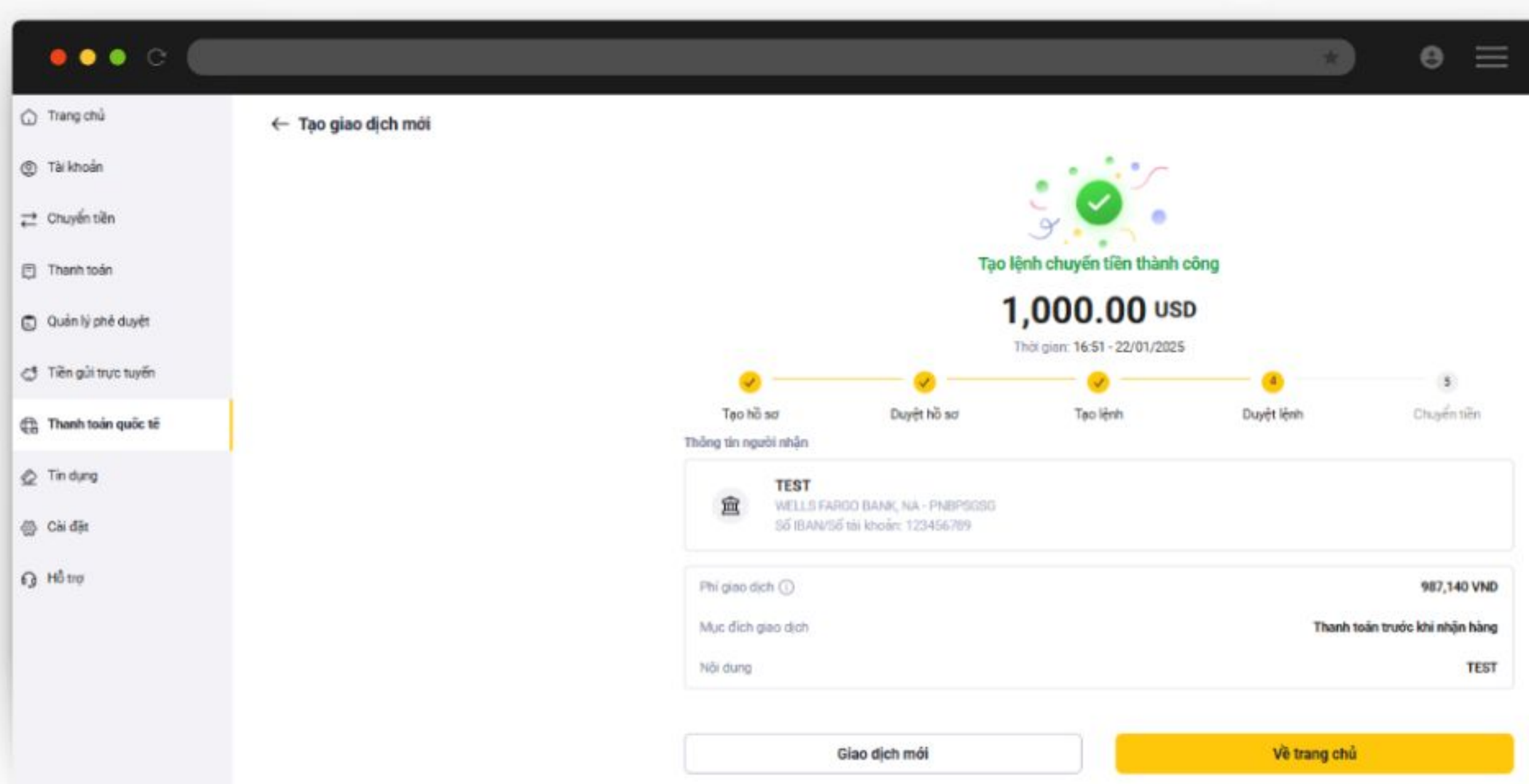
| Tạo lệnh chuyển tiền quốc tế | |
|--|--------------------|
| Thông tin chuyển tiền | |
| Số tiền cần chuyển | 80.00 USD |
| Bên chịu phí | Bên nhận |
| Tài khoản nguồn | |
| Khách hàng 11256609 NGUYEN 109001062055 | 7,813,985,143 VND |
| Thông tin mua ngoại tệ | |
| Ng ngoại tệ cần mua | 80.00 USD |
| Tỷ giá | 1 USD = 25,640 VND |
| Quy đổi sang VND | 2,051,200 VND |
| Mã ưu đãi mua ngoại tệ | |
| Mã ưu đãi mua ngoại tệ | |
| Tài khoản trích nợ mua ngoại tệ | |
| Khách hàng 11256609 NGUYEN 109001062055 | 7,813,985,143 VND |

Tiếp tục

Bước 3 Chọn **Tiếp tục**, hệ thống chuyển sang màn hình **Xác nhận**.

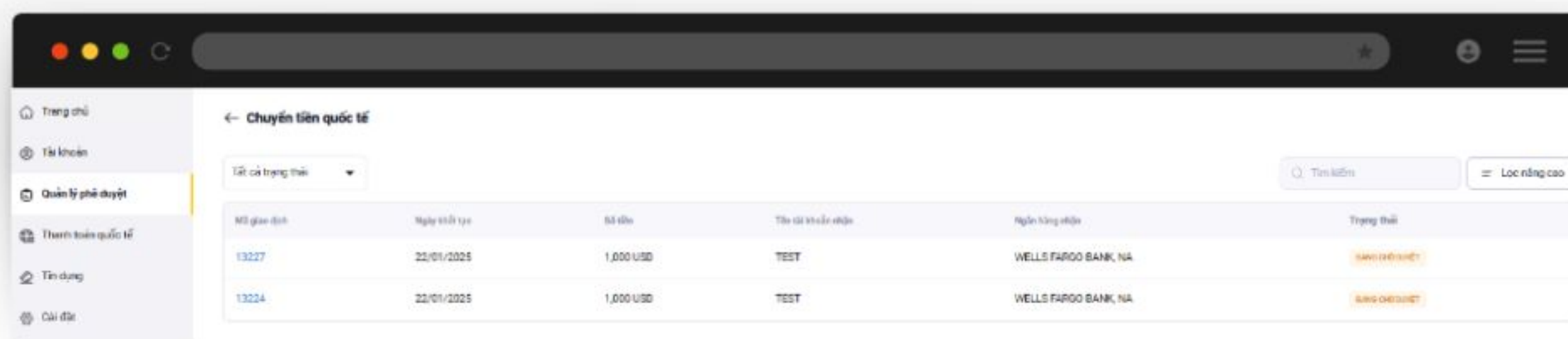
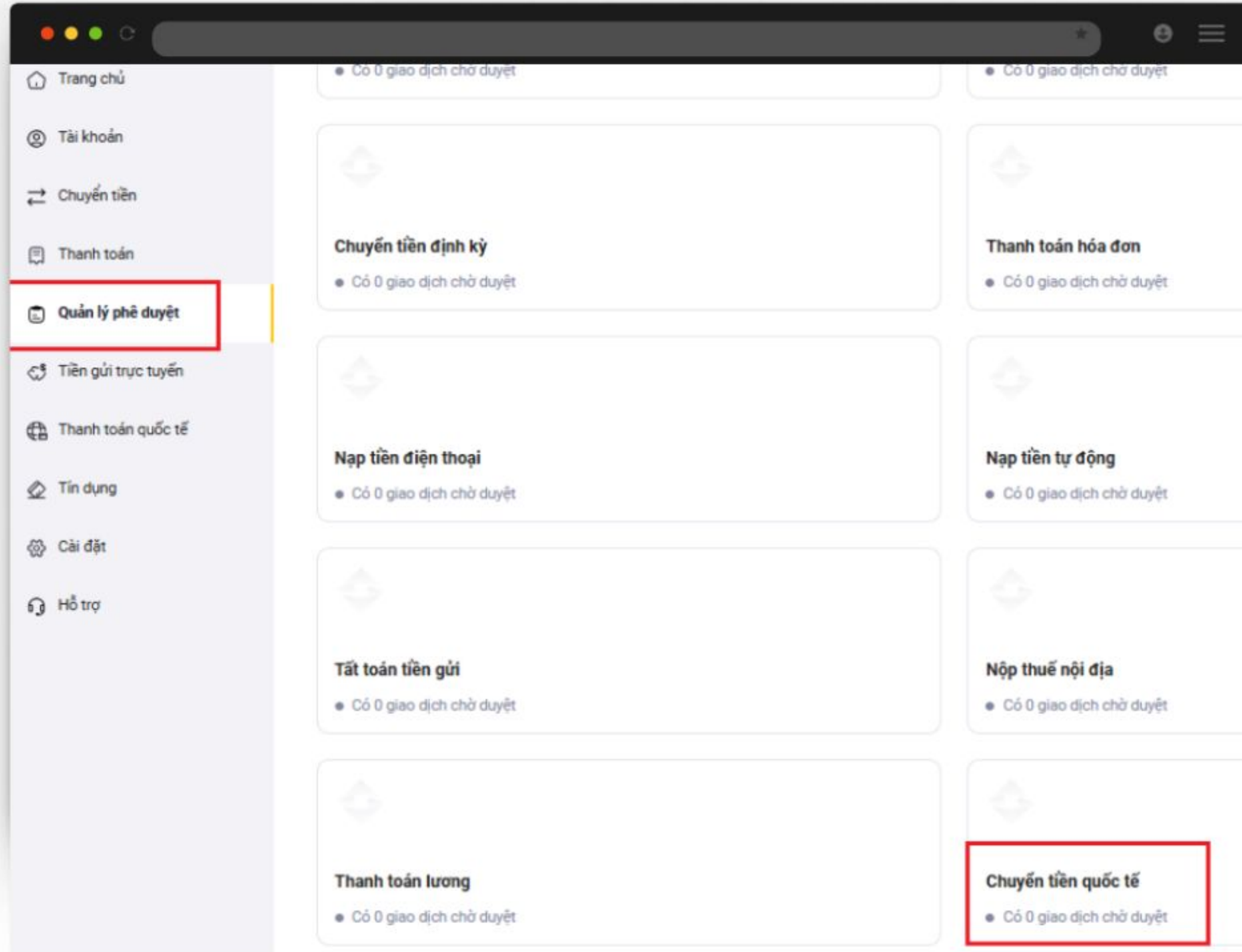


Bước 4 Chọn **Xác nhận**, hệ thống chuyển sang màn hình **Tạo lệnh chuyển tiền thành công**, chọn **Về trang chủ** để hoàn tất giao dịch.

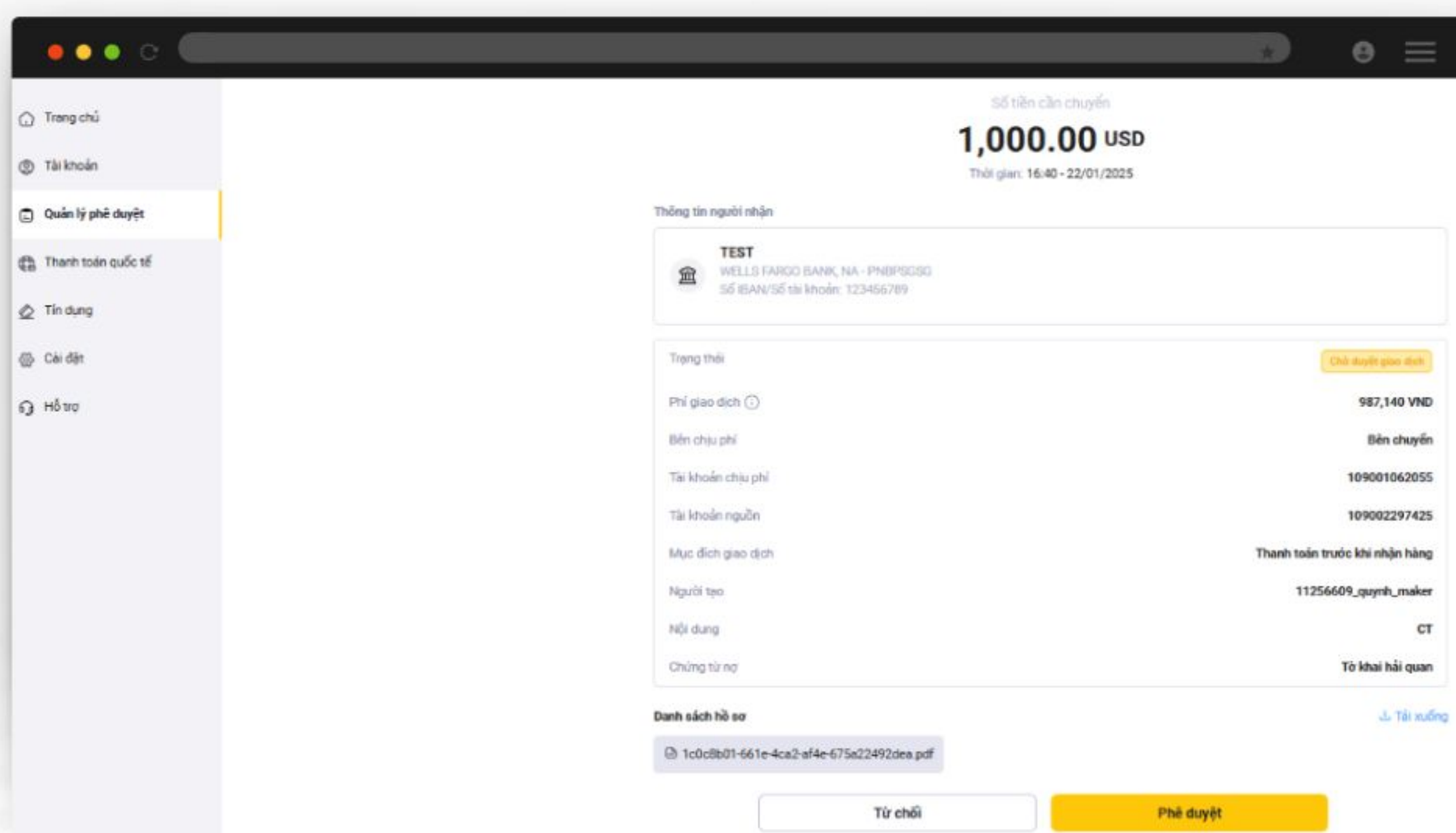


4. Phê duyệt lệnh Chuyển tiền quốc tế

Bước 1 Tại Menu, chọn **Quản lý phê duyệt**, chọn **Chuyển tiền quốc tế**, chọn giao dịch **Chờ duyệt**.

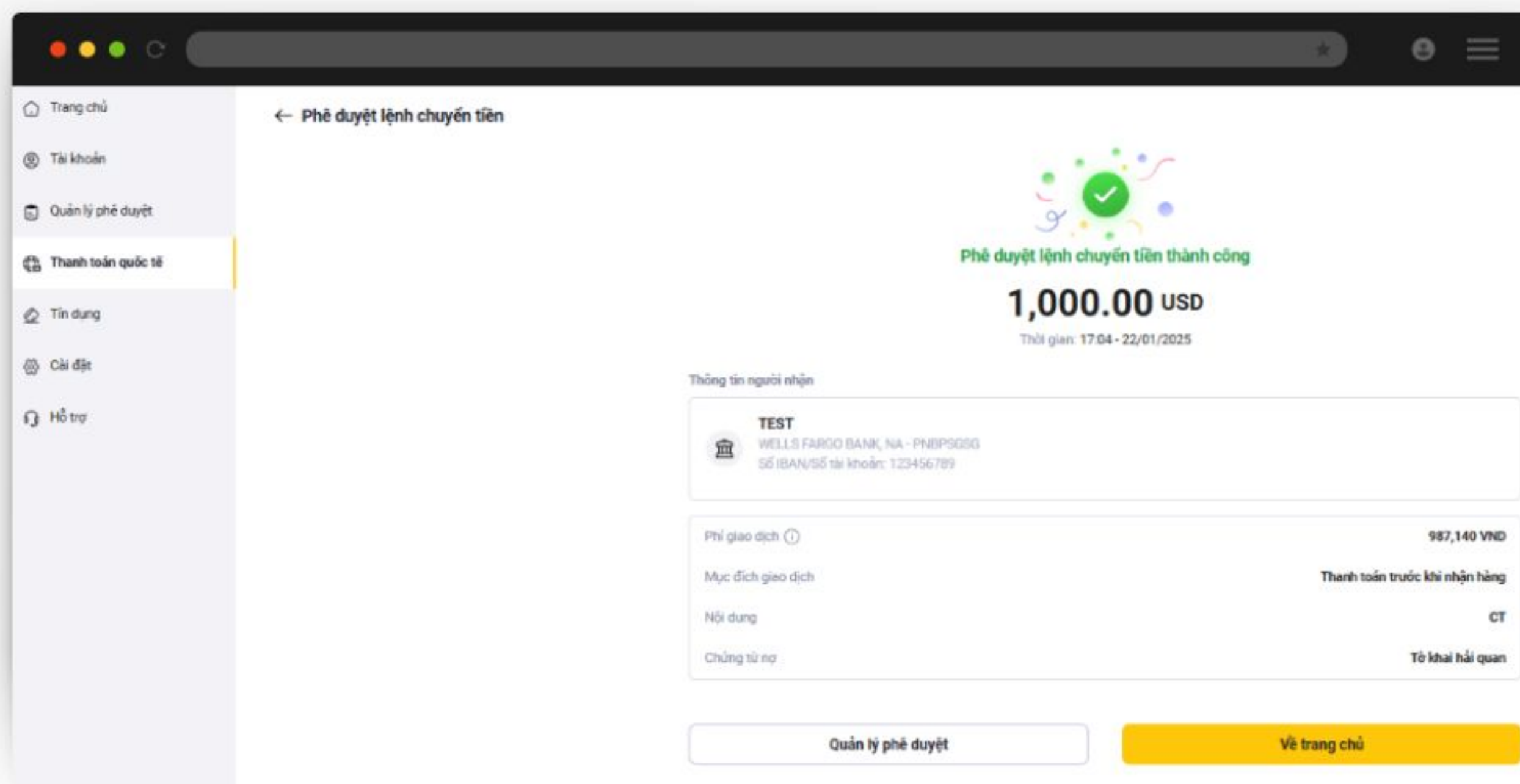
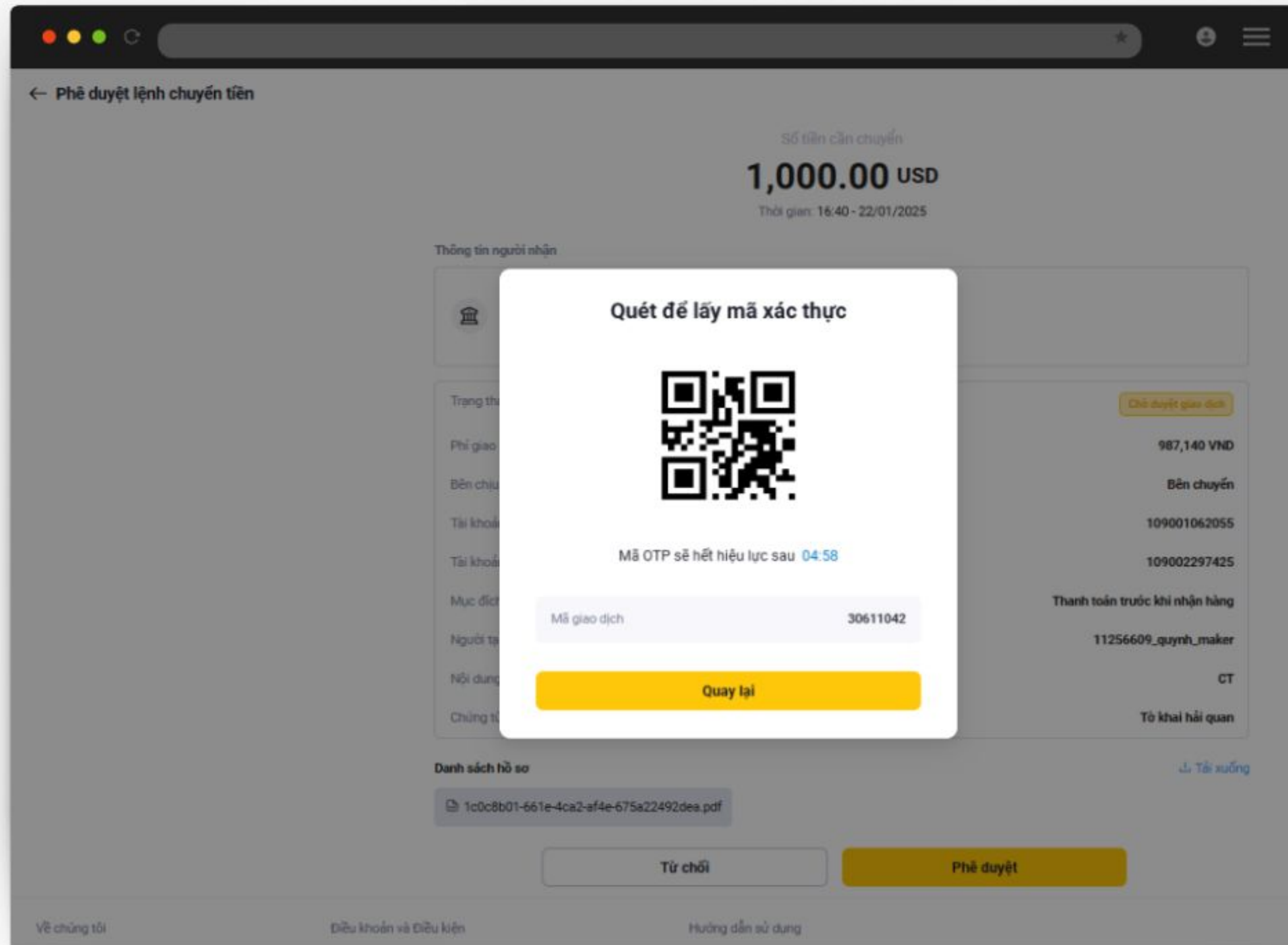


Bước 2 Hệ thống hiển thị thông tin giao dịch CTQT cần phê duyệt, chọn **Từ chối** để không thực hiện phê duyệt/chọn **Phê duyệt** để duyệt giao dịch.



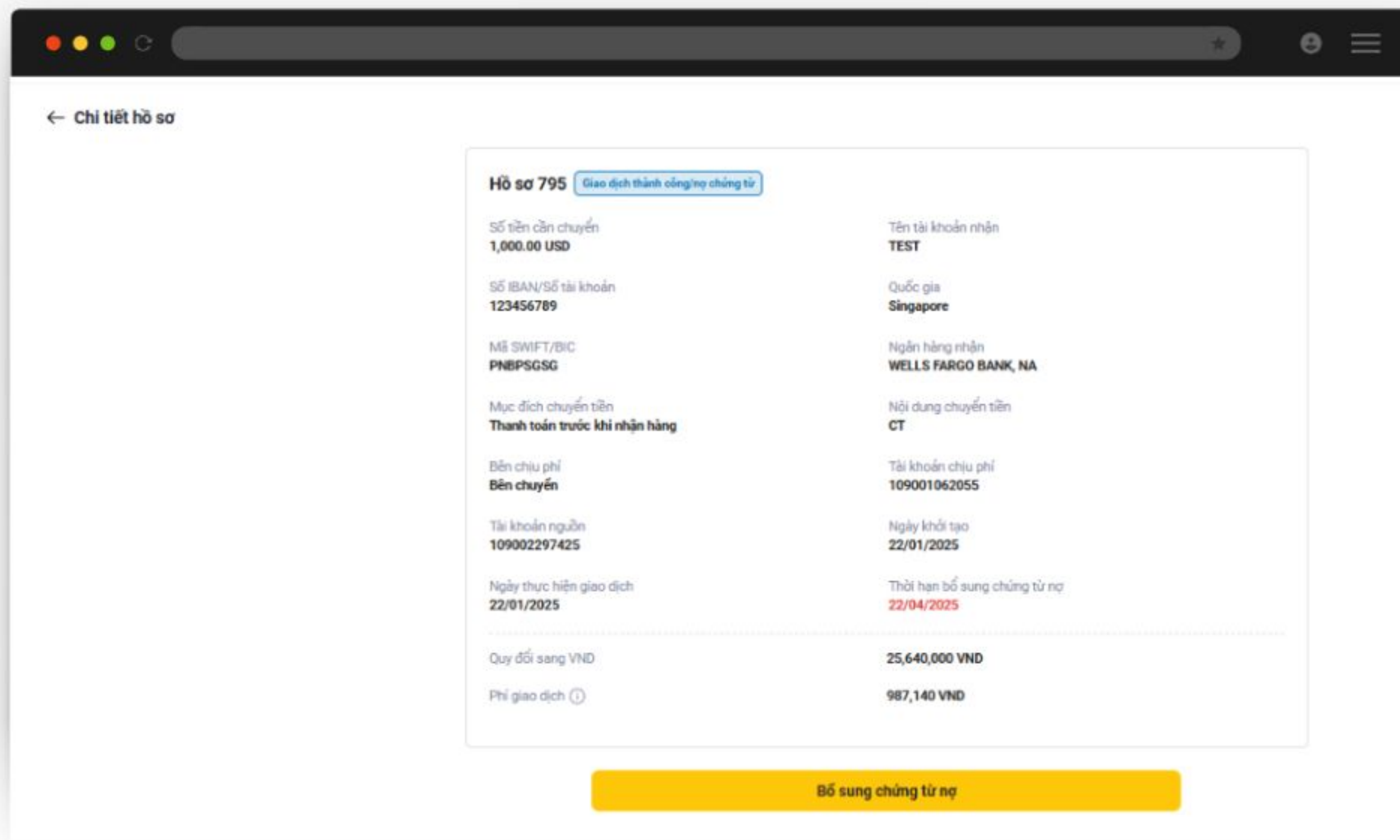
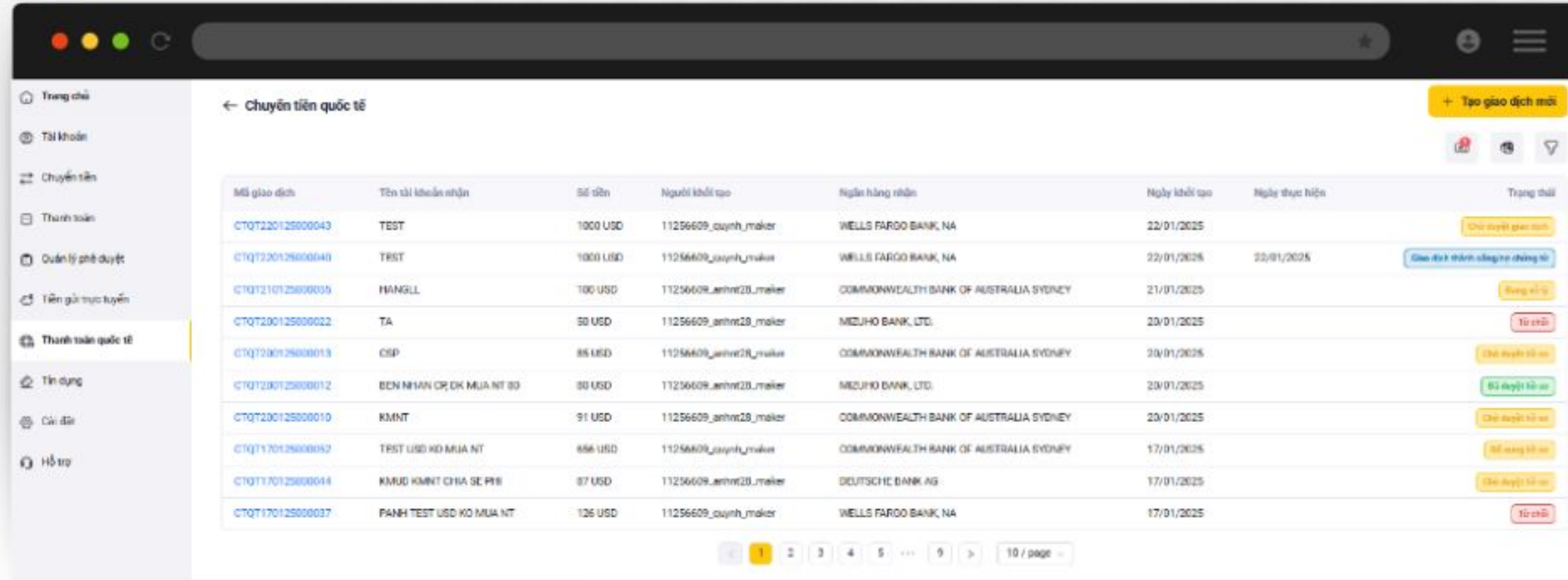
Bước 3

Hệ thống gửi xác thực Smart OTP, Checker thực hiện phê duyệt tương tự các giao dịch tài chính trên hệ thống PVConnect Biz.

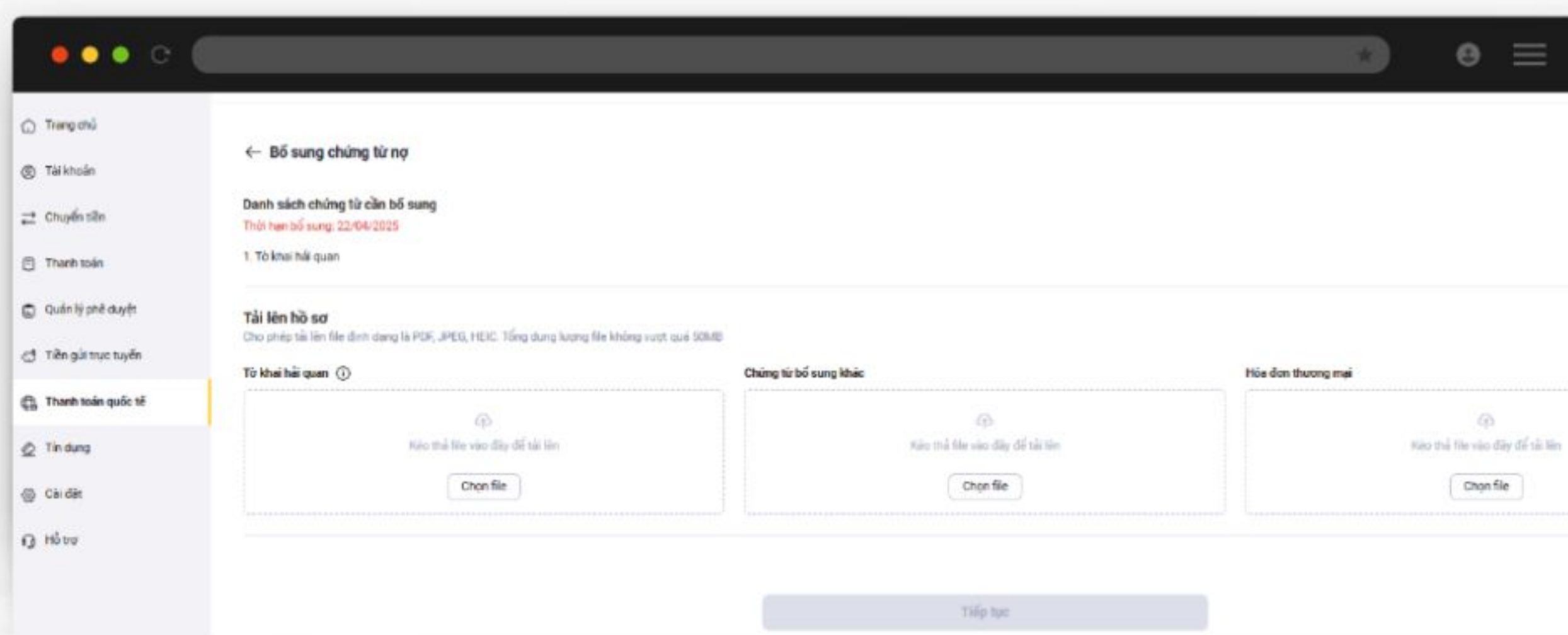


Khi CTQT, khách hàng còn thiếu hồ sơ theo quy định của PVcomBank. Trong vòng 90 ngày kể từ khi giao dịch được thực hiện thành công, khách hàng phải bổ sung đủ chứng từ.

Bước 1 Tại Menu, chọn **Chuyển tiền quốc tế**, chọn **Giao dịch thành công nợ chứng từ**, hệ thống hiển thị màn hình chi tiết giao dịch.

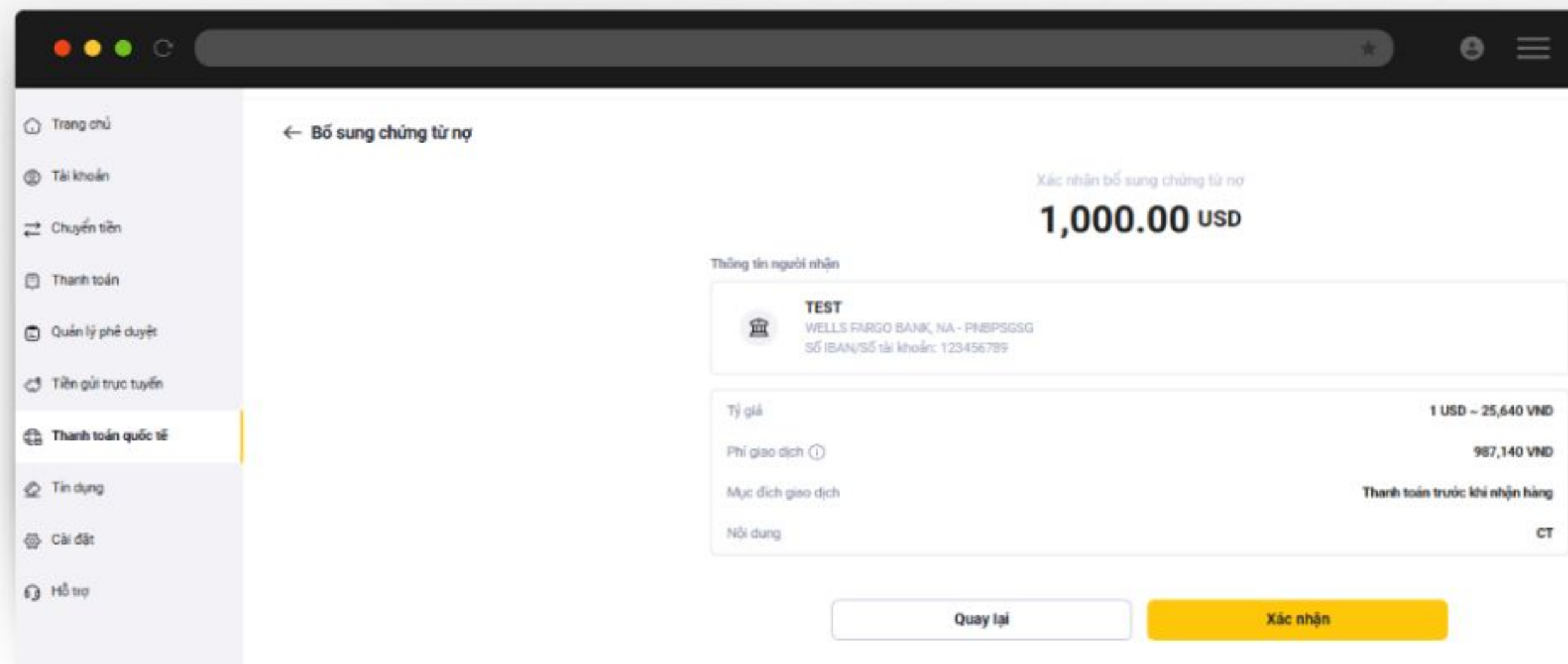


Bước 2 Chọn **Bổ sung chứng từ nợ**, hệ thống hiển thị chi tiết giao dịch.



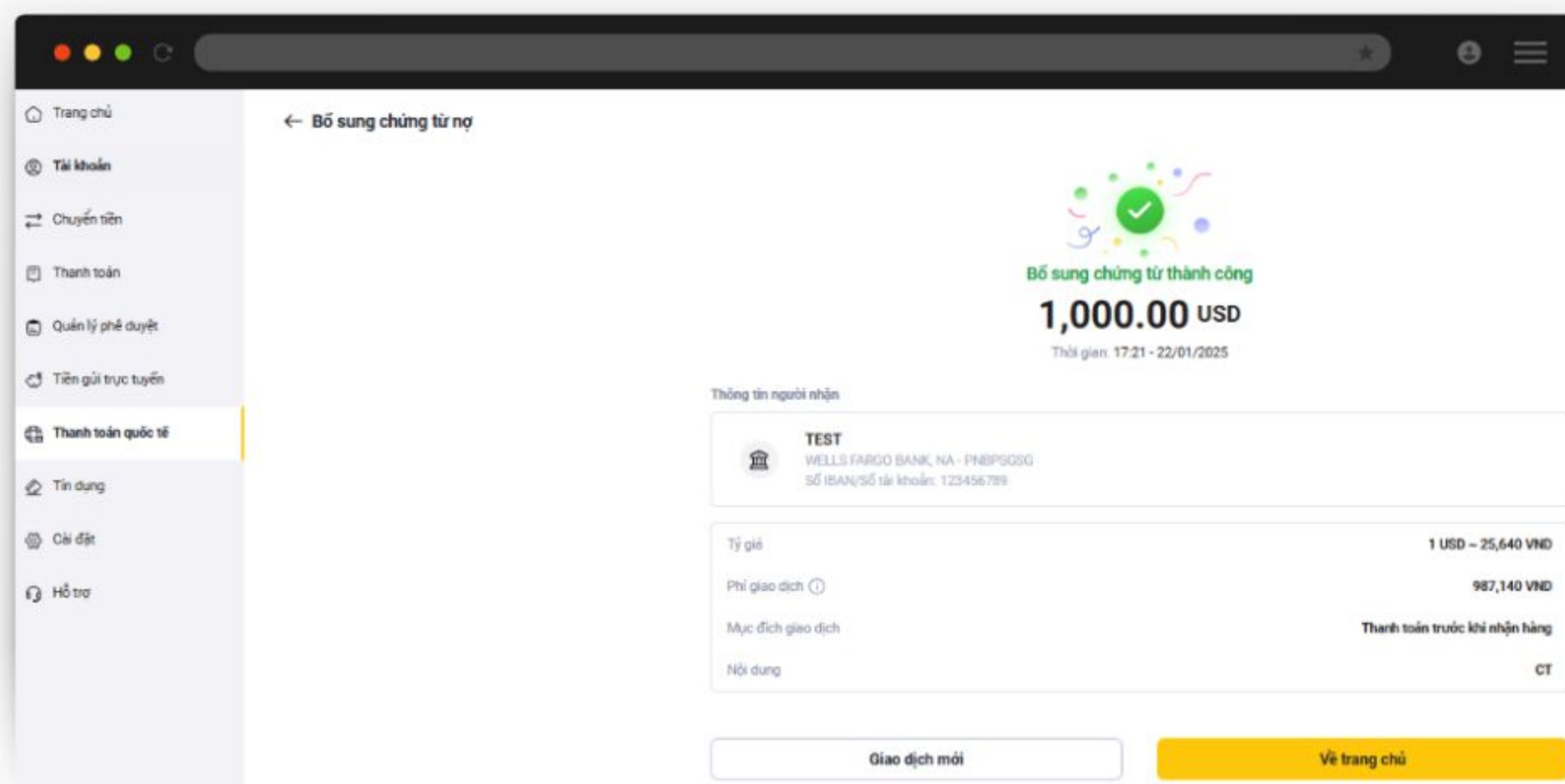
Bước 3

Chọn các file chứng từ cần bổ sung, chọn **Tiếp tục**, hệ thống chuyển sang màn hình xác nhận.



Bước 4

Chọn **Xác nhận**, hệ thống chuyển sang màn hình **Bổ sung chứng từ thành công**.



Bước 5

Tại **Menu**, chọn **Quản lý phê duyệt** và thực hiện phê duyệt theo hướng dẫn tại Mục 4. Phê duyệt CTQT – I. Tạo giao dịch CTQT.